TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐIỆN TOÁN

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 15/11/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB14395	Lê Nhựt	An	04/12/1987	Nam	2,0	0,0	Không đạt	
2	BKCB14396	An Tuấn	Anh	30/10/1985	Nam				Vắng
3	BKCB14397	Đặng Trọng	Anh	06/09/1993	Nam	8,33	8,67	Đạt	
4	BKCB14398	Ngô Tuấn	Anh	03/02/1990	Nam	6,0	8,33	Đạt	
5	BKCB14399	Nguyễn Thế	Anh	16/09/2000	Nam	10,0	9,0	Đạt	
6	BKCB14400	Nguyễn Thị Tâm	Anh	11/12/1995	Nữ	9,67	8,67	Đạt	
7	BKCB14401	Nguyễn Vũ	Anh	02/02/1993	Nam	9,0	8,67	Đạt	
8	BKCB14402	Phạm Thị Lan	Anh	28/01/1985	Nữ	9,0	9,0	Đạt	
9	BKCB14403	Hà Minh	Bắc	18/11/1974	Nam				Vắng
10	BKCB14404	Nguyễn Hoàng	Bảo	02/08/1990	Nam	5,67	5,67	Đạt	
11	BKCB14405	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	16/02/1979	Nam	7,67	5,0	Đạt	
12	BKCB14406	Lê Minh Thanh	Bình	15/02/1990	Nam	6,33	7,33	Đạt	
13	BKCB14407	Nguyễn Thanh	Bình	29/09/1976	Nam	2,33	6,33	Không đạt	
14	BKCB14408	Phạm Thanh	Bình	24/09/1987	Nam	4,33	6,0	Không đạt	
15	BKCB14409	Vũ Nam	Bình	11/06/1991	Nam				Vắng
16	BKCB14410	Huỳnh Minh	Chiến	25/08/1978	Nam	6,67	6,67	Đạt	
17	BKCB14411	Châu Thành	Chơn	07/01/1981	Nam	8,33	8,67	Đạt	
18	BKCB14412	Hoàng Đức	Chung	19/10/1989	Nam	8,0	6,0	Đạt	
19	BKCB14413	Nguyễn Mạnh	Cường	26/01/1989	Nam	8,33	5,33	Đạt	
20	BKCB14414	Nguyễn Phú	Cường	27/09/1989	Nam				Vắng
21	BKCB14415	Nguyễn Quốc	Cường	26/01/1990	Nam				Vắng
22	BKCB14416	Trần Hùng	Cường	10/08/1983	Nam	8,33	6,0	Đạt	
23	BKCB14417	Võ Minh	Đăng	05/5/1983	Nam	7,67	9,0	Đạt	
24	BKCB14418	Nguyễn Tiến	Đạt	31/10/1995	Nam	8,67	8,67	Đạt	
25	BKCB14419	Lý Khắc	Dũ	24/04/1977	Nam	5,0	6,67	Đạt	
26	BKCB14420	Trần Nguyễn Mạnh	Dư	06/02/1982	Nam				Vắng
27	BKCB14421	Lê Ngọc	Đức	10/05/1990	Nam				Vắng
28	BKCB14422	Phạm Hoàng	Đức	10/11/1995	Nam	7,0	8,0	Đạt	
29	BKCB14423	Đoàn Trí	Dũng	24/10/1982	Nam	6,67	7,33	Đạt	
30	BKCB14424	Hoàng Văn	Dũng	15/04/1982	Nam				Vắng
31	BKCB14425	Lê Đình	Dũng	25/12/1990	Nam				Vắng
32	BKCB14426	Trần Vũ Anh	Dũng	10/01/1996	Nam	10,0	9,0	Đạt	
33	BKCB14427	Đỗ Phú Minh	Duy	23/09/2001	Nam	8,67	8,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
34	BKCB14428	Ngô Minh	Duy	09/01/2005	Nam	7,33	5,33	Đạt	
35	BKCB14429	Trần Thanh	Duy	22/06/1996	Nam	5,0	4,0	Không đạt	
36	BKCB14430	Nguyễn Thị	Duyên	17/06/1993	Nữ				Vắng
37	BKCB14431	Nguyễn Thị Kim	Duyên	14/12/1984	Nữ	6,67	3,0	Không đạt	
38	BKCB14432	Trương Hữu	Duyên	05/04/1988	Nam	5,33	3,0	Không đạt	
39	BKCB14433	Nguyễn Hoàng	Giang	07/03/1985	Nam	3,33	3,33	Không đạt	
40	BKCB14434	Lê Đình	Giáp	14/03/1984	Nam	7,33	5,67	Đạt	
41	BKCB14435	Bùi Xuân	Hải	12/01/1987	Nam				Vắng
42	BKCB14436	Hà Lâm	Hải	13/09/2005	Nam	8,33	8,33	Đạt	
43	BKCB14437	Nguyễn Duy	Hải	10/01/1994	Nam	7,0	6,33	Đạt	
44	BKCB14438	Nguyễn Hiếu Lam	Hải	02/10/2005	Nam				Vắng
45	BKCB14439	Nguyễn Trọng	Hải	30/04/1989	Nam				Vắng
46	BKCB14440	Phan Thanh	Hải	07/05/1991	Nam	6,67	7,67	Đạt	
47	BKCB14441	Võ Hoàng Phi	Hải	05/03/1986	Nam	4,67	4,0	Không đạt	
48	BKCB14442	Hà Huy	Hán	24/08/1988	Nam	3,0	5,0	Không đạt	
49	BKCB14443	Phan Công	Hạnh	09/06/1986	Nam				Vắng
50	BKCB14444	Tạ Xuân	Hào	11/07/1991	Nam	7,33	9,0	Đạt	
51	BKCB14445	Nguyễn Thái	Hảo	01/01/1983	Nam				Vắng
52	BKCB14446	Phạm Thị Thu	Hiền	19/05/1984	Nữ				Vắng
53	BKCB14447	Nguyễn Thế	Hiển	01/09/1990	Nam	8,67	6,67	Đạt	
54	BKCB14448	Nguyễn Trung	Hiếu	10/06/1986	Nam	8,0	6,67	Đạt	
55	BKCB14449	Phùng Gia	Hiếu	24/12/1993	Nam				Vắng
56	BKCB14450	Nguyễn Bá	Hiệu	01/12/1978	Nam				Vắng
57	BKCB14451	Trần Thị Tuyết	Hoa	19/10/1980	Nữ				Vắng
58	BKCB14452	Đào Minh	Hoàng	28/03/1990	Nam	9,33	8,33	Đạt	
59	BKCB14453	Lê Thanh	Hoàng	06/10/1989	Nam				Vắng
60	BKCB14454	Lê Thanh	Hoàng	21/11/1984	Nam	4,0	1,33	Không đạt	
61	BKCB14455	Nguyễn Đặng Phượng	Hoàng	15/03/1992	Nam	7,67	7,0	Đạt	
62	BKCB14456	Hồ Sỹ	Hùng	20/08/1989	Nam	7,0	8,33	Đạt	
63	BKCB14457	Lê Minh	Hưng	31/12/1980	Nam				Vắng
64	BKCB14458	Trang Sĩ	Hưng	03/12/1992	Nam	8,33	9,0	Đạt	
65	BKCB14459	Nguyễn Tuyết Lan	Hương	30/03/1990	Nữ	8,0	9,0	Đạt	
66	BKCB14460	Bùi Khắc	Huy	13/07/1991	Nam				Vắng
67	BKCB14461	Le Quốc	Huy	13/09/1995	Nam				Vắng
68	BKCB14462	Lê Trần Quang	Huy	15/03/1999	Nam	5,0	8,0	Đạt	
69	BKCB14463	Phạm Viết	Huy	18/05/1985	Nam				Vắng
70	BKCB14464	Hoàng Như	Kha	24/03/1998	Nam	6,0	8,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
71	BKCB14465	Trần Minh	Khải	04/10/1992	Nam	7,0	5,67	Đạt	
72	BKCB14466	Lê Huỳnh Minh	Khoa	09/09/1986	Nam	5,67	7,67	Đạt	
73	BKCB14467	Nguyễn Đăng	Khoa	27/09/1998	Nam	7,0	6,33	Đạt	
74	BKCB14468	Phạm Anh	Khoa	09/02/1984	Nam	5,0	7,0	Đạt	
75	BKCB14469	Đoàn Trung	Kiên	11/11/1984	Nam	6,33	7,67	Đạt	
76	BKCB14470	Dương Đức	Kiên	29/12/1983	Nam				Vắng
77	BKCB14471	Phạm Minh	Kiệt	27/09/1992	Nam	6,67	8,33	Đạt	
78	BKCB14472	Võ Tuấn	Kỳ	27/01/2000	Nam	7,67	9,0	Đạt	
79	BKCB14473	Lê Hoàng	Lâm	09/11/1980	Nam	8,0	8,67	Đạt	
80	BKCB14474	Nguyễn Hùng	Lân	03/06/1990	Nam	6,67	8,33	Đạt	
81	BKCB14475	Nguyễn Trần Thanh	Liêm	06/12/1985	Nam	8,0	5,0	Đạt	
82	BKCB14476	Nguyễn Văn	Liệu	05/02/1995	Nam	7,67	7,67	Đạt	
83	BKCB14477	Huỳnh Tấn	Lộc	06/02/1982	Nam	9,33	3,67	Không đạt	
84	BKCB14478	Phạm Nguyễn Phú	Lộc	13/07/1989	Nam	8,0	3,67	Không đạt	
85	BKCB14479	Lương Ngọc	Lợi	19/06/1983	Nam	6,67	3,33	Không đạt	
86	BKCB14480	Đặng Phi	Long	13/01/1997	Nam	8,33	8,67	Đạt	
87	BKCB14481	Lê Hồng	Long	08/12/1999	Nam	6,67	8,0	Đạt	
88	BKCB14482	Nguyễn Bình Phương Hoàng	Long	01/11/1995	Nam	6,0	8,0	Đạt	
89	BKCB14483	Nguyễn Công	Long	15/04/1985	Nam	7,33	9,0	Đạt	
90	BKCB14484	Nguyễn Đoàn Thanh	Long	29/12/1993	Nam	5,0	5,33	Đạt	
91	BKCB14485	Nguyễn Thanh	Long	23/10/1996	Nam	6,33	6,33	Đạt	
92	BKCB14486	Nguyễn Đình	Luân	15/07/1988	Nam	6,33	8,0	Đạt	
93	BKCB14487	Nguyễn Minh	Luân	30/04/1989	Nam	5,67	5,0	Đạt	
94	BKCB14488	Nguyễn Văn	Luân	20/12/1990	Nam				Vắng
95	BKCB14489	Phạm Văn	Luân	13/10/1984	Nam	6,0	5,0	Đạt	
96	BKCB14490	Mai Tấn	Lực	14/01/1990	Nam	5,0	5,67	Đạt	
97	BKCB14491	Vũ Như	Mạnh	20/11/1981	Nam	5,0	6,0	Đạt	
98	BKCB14492	Đinh Hoàng	Minh	26/03/1987	Nam	6,0	5,67	Đạt	
99	BKCB14493	Lê Anh	Minh	22/02/1982	Nam				Vắng
100	BKCB14494	Lường Văn	Minh	26/05/1992	Nam	6,0	6,33	Đạt	
101	BKCB14495	Nguyễn Hoàng	Minh	26/10/1992	Nam	8,33	6,0	Đạt	
102	BKCB14496	Nguyễn Văn	Minh	09/03/1991	Nam	6,0	3,67	Không đạt	
103	BKCB14497	Mai Minh	Mỹ	22/11/1986	Nam	6,33	5,0	Đạt	
104	BKCB14498	Phạm Hoàng	Mỹ	02/08/1985	Nam	6,67	6,0	Đạt	
105	BKCB14499	Khương Giang	Nam	22/11/1982	Nam	5,0	7,0	Đạt	
106	BKCB14500	Lê Hà	Nam	12/08/1986	Nam	8,67	6,33	Đạt	
107	BKCB14501	Lê Hải	Nam	16/11/1991	Nam				Vắng

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
108	BKCB14502	Nguyễn Hoài	Nam	08/03/1985	Nam	8,0	8,0	Đạt	
109	BKCB14503	Nguyễn Hữu	Nam	20/07/1986	Nam	7,0	6,67	Đạt	
110	BKCB14504	Phạm Quang	Nam	12/10/1986	Nam	7,67	7,67	Đạt	
111	BKCB14505	Nguyễn Thị Kim	Ngân	14/03/2007	Nữ	8,67	5,0	Đạt	
112	BKCB14506	Nguyễn Đình	Nghi	13/01/1988	Nam				Vắng
113	BKCB14507	Nguyễn Minh	Nghiêm	19/06/1981	Nam				Vắng
114	BKCB14508	Lê Văn	Ngọc	26/03/1979	Nam	5,67	7,0	Đạt	
115	BKCB14509	Nguyễn Cảnh	Nguyên	08/12/1990	Nam				Vắng
116	BKCB14510	Nguyễn Hữu	Nhân	26/12/1989	Nam	6,67	8,33	Đạt	
117	BKCB14511	Huỳnh Văn	Nhộn	15/02/1982	Nam	8,0	2,0	Không đạt	
118	BKCB14512	Dương Nguyên Minh	Như	04/03/2000	Nữ	4,33	2,0	Không đạt	
119	BKCB14513	Huỳnh Lê Minh	Nhựt	03/11/1978	Nam	8,33	7,33	Đạt	
120	BKCB14514	Mai Thanh	Pha	21/08/1991	Nam	5,67	7,0	Đạt	
121	BKCB14515	Huỳnh Thiên	Phát	14/04/2003	Nam				Vắng
122	BKCB14516	Nguyễn Tấn	Phát	16/07/1991	Nam	4,0	5,0	Không đạt	
123	BKCB14517	Phan Thành	Phát	05/09/1987	Nam	7,33	6,0	Đạt	
124	BKCB14518	Trần Hồng	Phát	29/12/1990	Nam	3,33	5,0	Không đạt	
125	BKCB14519	Nguyễn Thành	Phong	07/09/2001	Nam	7,0	6,0	Đạt	
126	BKCB14520	Trần Thanh	Phong	31/01/1993	Nam				Vắng
127	BKCB14521	Vũ Văn	Phong	10/02/1980	Nam				Vắng
128	BKCB14522	Hồ Sơn	Phước	12/01/1984	Nam	9,0	5,33	Đạt	
129	BKCB14523	Nguyễn Hoàng	Phương	11/10/1992	Nam				Vắng
130	BKCB14524	Nguyễn Viễn	Phương	14/04/1983	Nam	5,67	0,67	Không đạt	
131	BKCB14525	Nguyễn Hải	Quân	18/02/1986	Nam				Vắng
132	BKCB14526	Trương Quốc	Quân	10/08/1996	Nam	7,67	8,67	Đạt	
133	BKCB14527	Nguyễn Thế Bảo	Quang	23/11/1994	Nam	6,67	7,33	Đạt	
134	BKCB14528	Lê Tấn	Quốc	21/04/1987	Nam	7,67	8,0	Đạt	
135	BKCB14529	Trần Kiến	Quốc	13/04/1984	Nam				Vắng
136	BKCB14530	Lê Thái	Sang	10/04/1992	Nam	5,33	6,67	Đạt	
137	BKCB14531	Nguyễn Hoàng	Sang	27/10/1982	Nam	5,0	8,0	Đạt	
138	BKCB14532	Bùi Quang	Sáng	27/02/1999	Nam	6,33	8,67	Đạt	
139	BKCB14533	Phạm Quang	Sáng	20/04/1985	Nam	4,0	7,0	Không đạt	
140	BKCB14534	Lê Đình	Sơn	07/04/1988	Nam				Vắng
141	BKCB14535	Nguyễn Ngọc	Sơn	24/12/1996	Nam	9,0	8,0	Đạt	
142	BKCB14536	Lê Hoài	Tâm	23/02/1980	Nam	6,67	4,33	Không đạt	
143	BKCB14537	Lê Trọng	Tâm	23/10/1990	Nam	6,0	5,33	Đạt	
144	BKCB14538	Nguyễn Thanh	Tâm	12/12/1985	Nam	2,33	6,67	Không đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
145	BKCB14539	Nguyễn Văn	Tâm	10/12/2001	Nam				Vắng
146	BKCB14540	Mai Thanh	Tân	06/02/1977	Nam	4,33	5,67	Không đạt	
147	BKCB14541	Nguyễn Đức	Tân	08/03/1983	Nam	6,33	7,33	Đạt	
148	BKCB14542	Nguyễn Đức	Tân	09/10/1987	Nam	6,0	7,33	Đạt	
149	BKCB14543	Lê Mạnh	Tấn	10/09/1978	Nam	2,67	2,0	Không đạt	
150	BKCB14544	Nguyễn Quốc	Thái	18/07/1990	Nam				Vắng
151	BKCB14545	Trần Vi	Thái	25/06/1993	Nam	7,67	9,33	Đạt	
152	BKCB14546	Trần Văn	Thân	27/01/1987	Nam	9,33	8,67	Đạt	
153	BKCB14547	Đoàn Quyết	Thắng	11/10/1986	Nam	7,67	8,0	Đạt	
154	BKCB14548	Nguyễn Mạnh	Thắng	07/04/1990	Nam	7,0	9,0	Đạt	
155	BKCB14549	Lê Văn	Thanh	07/03/1984	Nam	2,67	0,33	Không đạt	
156	BKCB14550	Nguyễn Huỳnh Vũ	Thanh	22/12/1981	Nam				Vắng
157	BKCB14551	Thiều Thị	Thanh	12/08/1995	Nữ	6,67	7,0	Đạt	
158	BKCB14552	Đinh Hải	Thành	08/10/2000	Nam		0,0	Không đạt	
159	BKCB14553	Lê Minh	Thành	14/12/1991	Nam	8,0	8,67	Đạt	
160	BKCB14554	Nguyễn Quốc	Thành	13/01/1986	Nam	5,67	3,0	Không đạt	
161	BKCB14555	Đinh Thị	Thảo	27/02/1977	Nữ	5,67	6,33	Đạt	
162	BKCB14556	Huỳnh Phúc	Thiện	29/08/1992	Nam	7,33	6,67	Đạt	
163	BKCB14557	Trần Minh	Thiện	25/05/1984	Nam				Vắng
164	BKCB14558	Nguyễn Phúc	Thịnh	09/07/1990	Nam	4,33	5,67	Không đạt	
165	BKCB14559	Triệu Nguyễn Hưng	Thịnh	25/08/1985	Nam	4,67	0,33	Không đạt	
166	BKCB14560	Lê Phước	Thọ	20/10/1993	Nam	7,0	5,0	Đạt	
167	BKCB14561	Nguyễn Bá Trường	Thọ	15/03/1990	Nam				Vắng
168	BKCB14562	Nguyễn Thị Kim	Thoa	18/12/1982	Nữ	5,33	6,33	Đạt	
169	BKCB14563	Lê Trọng	Thoại	03/12/1994	Nam				Vắng
170	BKCB14564	Nguyễn Hoàng Minh	Thông	10/07/2000	Nam	9,0	8,67	Đạt	
171	BKCB14565	Nguyễn Minh	Thông	19/04/1996	Nam	7,67	9,67	Đạt	
172	BKCB14566	Thân Thành	Thông	27/09/1991	Nam	7,67	9,33	Đạt	
173	BKCB14567	Trần Tấn	Thông	20/02/1995	Nam	8,0	9,33	Đạt	
174	BKCB14568	Trần Thị	Thu	17/09/1992	Nữ				Vắng
175	BKCB14569	Đào Đức	Thuận	17/11/1995	Nam	9,33	9,67	Đạt	
176	BKCB14570	Nguyễn Đức	Thuận	03/09/1984	Nam	6,0	6,0	Đạt	
177	BKCB14571	Trương Văn	Thuận	10/09/1990	Nam				Vắng
178	BKCB14572	Phạm Duy	Thức	04/03/1994	Nam	6,33	6,33	Đạt	
179	BKCB14573	Nguyễn Thị	Thương	14/10/1986	Nữ	5,67	8,0	Đạt	
180	BKCB14574	Mai Xuân	Thuỷ	12/12/1976	Nam				Vắng
181	BKCB14575	Phan Kim	Thủy	13/06/1995	Nữ	6,67	6,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
182	BKCB14576	Hoàng Trần	Thuyết	17/11/1981	Nam	2,67	2,33	Không đạt	
183	BKCB14577	Nguyễn Nhật	Tiến	29/05/1986	Nam				Vắng
184	BKCB14578	Phạm	Tiến	27/09/1988	Nam				Vắng
185	BKCB14579	Trịnh Xuân	Tiến	21/08/1982	Nam	7,0	3,0	Không đạt	
186	BKCB14580	Trương Hồng	Tiến	10/09/1989	Nam	4,67	4,0	Không đạt	
187	BKCB14581	Nguyễn Trọng	Tình	28/02/1988	Nam	3,67	3,33	Không đạt	
188	BKCB14582	Nguyễn Hải	Toàn	06/08/1988	Nam	6,67	7,67	Đạt	
189	BKCB14583	Lê Minh	Trang	03/06/1992	Nữ	6,0	7,33	Đạt	
190	BKCB14584	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/03/1985	Nữ	4,33	6,33	Không đạt	
191	BKCB14585	Nguyễn Minh	Trí	01/11/1993	Nam	7,33	5,33	Đạt	
192	BKCB14586	Nguyễn Thành	Trung	01/04/1984	Nam	5,0	5,0	Đạt	
193	BKCB14587	Lý Hồng	Trường	12/02/1985	Nam	5,0	2,67	Không đạt	
194	BKCB14588	Ngô Xuân	Trường	07/02/1986	Nam				Vắng
195	BKCB14589	Nguyễn Đoàn	Trường	06/05/1993	Nam	7,67	6,67	Đạt	
196	BKCB14590	Nguyễn Anh	Tú	04/08/1988	Nam	7,0	5,67	Đạt	
197	BKCB14591	Phạm Hải	Tú	11/03/1990	Nam	7,33	8,67	Đạt	
198	BKCB14592	Phan Huỳnh Minh	Tú	24/06/1999	Nam	7,67	9,33	Đạt	
199	BKCB14593	Đinh Văn	Tuân	10/11/1975	Nam	6,67	5,67	Đạt	
200	BKCB14594	Châu Anh	Tuấn	21/12/2000	Nam				Vắng
201	BKCB14595	Huỳnh Thanh	Tuấn	14/07/1992	Nam	8,67	5,0	Đạt	
202	BKCB14596	Lê Minh	Tuấn	27/01/1988	Nam	6,67	4,0	Không đạt	
203	BKCB14597	Lương Anh	Tuấn	07/11/1981	Nam	7,67	0,67	Không đạt	
204	BKCB14598	Mã Kim	Tuấn	04/05/1975	Nam	7,0	0,0	Không đạt	
205	BKCB14599	Ngô Văn	Tuấn	20/09/1980	Nam	4,33	7,0	Không đạt	
206	BKCB14600	Nguyễn Anh	Tuấn	13/07/1977	Nam				Vắng
207	BKCB14601	Nguyễn Anh	Tuấn	06/01/1992	Nam				Vắng
208	BKCB14602	Nguyễn Hoàng	Tuấn	03/10/1990	Nam	10,0	8,67	Đạt	
209	BKCB14603	Phùng Anh	Tuấn	12/08/1990	Nam	7,0	9,0	Đạt	
210	BKCB14604	Trịnh Minh	Tuấn	16/07/1992	Nam	6,0	8,33	Đạt	
211	BKCB14605	Vũ Minh	Tuấn	19/04/1987	Nam	5,33	8,33	Đạt	
212	BKCB14606	Nguyễn Minh	Tuệ	25/10/1991	Nam	7,0	5,33	Đạt	
213	BKCB14607	Nguyễn Văn	Út	23/08/1992	Nam				Vắng
214	BKCB14608	Trần Thị Huyền	Uyên	10/12/1995	Nữ	6,0	8,0	Đạt	
215	BKCB14609	Nguyễn Đinh	Việt	02/07/1982	Nam	3,67	0,33	Không đạt	
216	BKCB14610	Võ Sĩ	Việt	14/08/1990	Nam	4,0	0,33	Không đạt	
217	BKCB14611	Nguyễn Hữu	Vinh	20/03/1993	Nam	6,0	8,33	Đạt	
218	BKCB14612	Trần Thành	Vinh	28/08/1993	Nam	6,33	6,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
219	BKCB14613	Huỳnh Quang	Vũ	20/03/1989	Nam	7,33	7,33	Đạt	
220	BKCB14614	Tô Hoài	Vũ	22/06/1983	Nam	5,33	4,0	Không đạt	
221	BKCB14615	Đỗ Ngọc Thiện	Vương	02/08/2005	Nữ	7,67	8,0	Đạt	
222	BKCB14616	Trần Hồng	Vương	02/11/1987	Nam	4,33	3,67	Không đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh: **116** **Số thí sinh đạt:** **125**

Số lượng hiện diện: **85**

Thư ký Hội đồng **Chủ tịch Hội đồng**

Ngô Quang Nhựt **Thoại Nam**